CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên của PrimeGlobal

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Kiểm toán • Kế toán • Tư vấn Thuế – Tài chính • Giải pháp quản lý

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 28

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309902130 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/04/2010. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi gần nhất vào ngày 07/08/2012. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 44.050.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2013 của Công ty là 44.050.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 53,12% vốn điều lệ.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (08) 38300312- 38358423
- Fax: (08) 38351488- 38390727
- Website: www.sobee.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); văn phòng phẩm. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- In ấn (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất đồ dùng dạy học, trang thiết bị trường học (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi (không hoạt động tại trụ sở);
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản), đấu giá;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Biên tập, biên soạn sách, dịch thuật (trừ xuất bản sách).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 65 người. Trong đó nhân viên quản lý là 7 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Vũ Bá Hòa	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22/04/2010
• Ông Phạm Văn Hồng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2010 Miễn nhiệm ngày 17/04/2013
• Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2010
• Bà Đỗ Thị Mai Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2010
• Ông Đỗ Thành Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2010
• Bà Nguyễn Mai Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/04/2013

Ban Kiểm soát

• Bà Dương Vân Nhung	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22/04/2010
• Ông Trần Lê Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2010
• Ông Hồ Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2010

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Vũ Bá Hòa	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2012
• Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/04/2010
• Bà Nguyễn Mai Hoa	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 06/04/2010

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch HĐQT và Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Vũ Bá Hòa

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 97/2014/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông**
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 12/02/2014 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 28.

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY T.N.H.H KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN

Trần Thị Phương Lan
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ hành nghề số 0396-2013-010-1

Đinh Thị Ngọc Thùy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ hành nghề số 1463-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**56.402.608.726**	**60.054.633.862**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**6**	**3.015.640.164**	**28.174.205.431**
1. Tiền	111		3.015.640.164	11.441.680.523
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	16.732.524.908
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**530.000.000**	**540.000.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7	530.000.000	540.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**7.762.943.796**	**13.955.103.811**
1. Phải thu khách hàng	131		6.331.082.549	5.142.520.638
2. Trả trước cho người bán	132		45.721.478	345.316.947
3. Các khoản phải thu khác	135	8	2.168.024.786	9.249.151.243
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(781.885.017)	(781.885.017)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**44.735.074.646**	**16.700.832.997**
1. Hàng tồn kho	141	9	45.091.674.646	16.720.869.854
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(356.600.000)	(20.036.857)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**358.950.120**	**684.491.623**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	175.427.806	73.633.129
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	274.375.743
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	11	-	325.821.154
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	12	183.522.314	10.661.597
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**19.504.846.657**	**3.129.998.616**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**-**	**-**
II. Tài sản cố định	**220**		**994.412.146**	**1.567.653.868**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	994.412.146	1.567.653.868
- Nguyên giá	222		2.828.662.396	2.938.260.825
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.834.250.250)	(1.370.606.957)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		34.000.000	34.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(34.000.000)	(34.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	**240**		**-**	**-**
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**15**	**18.438.775.988**	**1.229.000.000**
1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.329.000.000	1.229.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		15.183.839.440	-
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(74.063.452)	-
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**71.658.523**	**333.344.748**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	71.658.523	333.344.748
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**75.907.455.383**	**63.184.632.478**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**26.517.772.256**	**14.437.134.016**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**26.517.772.256**	**14.437.134.016**
1.	Phải trả người bán	312		19.373.756.129	9.172.647.716
2.	Người mua trả tiền trước	313		152.170.984	458.853.024
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	1.040.947.817	701.186.950
4.	Phải trả người lao động	315		1.207.266.062	7.484.223
5.	Chi phí phải trả	316	18	1.506.480.816	372.482.495
6.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	2.616.859.992	3.318.938.276
7.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		620.290.456	405.541.332
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**-**	**-**
B.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**49.389.683.127**	**48.747.498.462**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**		**49.389.683.127**	**48.747.498.462**
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	44.050.000.000	44.050.000.000
2.	Quỹ đầu tư phát triển	417	20	2.983.533.229	2.634.816.484
3.	Quỹ dự phòng tài chính	418	20	1.400.341.101	1.051.624.356
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	20	955.808.797	1.011.057.622
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		**-**	**-**
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**75.907.455.383**	**63.184.632.478**

Chủ tịch HĐQT	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Vũ Bá Hòa	Nguyễn Mai Hoa	Nguyễn Mai Hoa

TP.Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1.	**Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ**	**01**	**21**	**304.148.613.387**	**287.030.605.701**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	1.801.146.985	2.280.414.782
3.	Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	21	302.347.466.402	284.750.190.919
4.	Giá vốn hàng bán	11	22	274.959.064.778	259.961.460.702
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ**	**20**		**27.388.401.624**	**24.788.730.217**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	5.123.898.531	7.340.739.570
7.	Chi phí tài chính	22	24	1.488.451.673	935.813.104
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	24		11.092.716.615	10.132.038.060
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.304.469.887	13.241.273.734
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**7.626.661.980**	**7.820.344.889**
11.	Thu nhập khác	31	25	1.260.707.777	266.575.580
12.	Chi phí khác	32	26	590.833.496	319.871
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**669.874.281**	**266.255.709**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**	**27**	**8.296.536.261**	**8.086.600.598**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	1.322.201.362	1.167.513.762
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**60**	**27**	**6.974.334.899**	**6.919.086.836**
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.583	1.571

Chủ tịch HĐQT	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Vũ Bá Hòa	Nguyễn Mai Hoa	Nguyễn Mai Hoa

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**			
1.	Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	303.760.502.295	293.922.838.635
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(295.445.994.971)	(262.306.890.505)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(10.662.245.974)	(8.441.354.551)
4.	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(814.493.898)	(3.672.041.083)
5.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	343.108.092	20.857.725
6.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(7.372.580.765)	(6.031.995.874)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(10.191.705.221)**	**13.491.414.347**
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**			
1.	Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(90.182.272)	(310.350.364)
2.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
3.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	10.000.000	-
4.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(12.234.839.440)	(4.500.000.000)
5.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.500.000.000	-
6.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.240.161.666	2.439.909.171
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(8.574.860.046)**	**(2.370.441.193)**
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**			
1.	Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.392.000.000)	(4.806.750.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(6.392.000.000)**	**(4.806.750.000)**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**(25.158.565.267)**	**6.314.223.154**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	28.174.205.431	21.859.982.277
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**3.015.640.164**	**28.174.205.431**

Chủ tịch HĐQT	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Vũ Bá Hòa	Nguyễn Mai Hoa	Nguyễn Mai Hoa

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309902130 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/04/2010. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi gần nhất vào ngày 07/08/2012. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); văn phòng phẩm. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- In ấn (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất đồ dùng dạy học, trang thiết bị trường học (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi (không hoạt động tại trụ sở);
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản), đấu giá;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Biên tập, biên soạn sách, dịch thuật (trừ xuất bản sách).

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Máy móc thiết bị	2
Phương tiện vận tải	2 – 6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

4.6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).

+ Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Trang Web công ty	4

4.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.8 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.9 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.11 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Sách giáo khoa, sách tham khảo bổ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; Thiết bị văn phòng, từ điển áp dụng mức thuế suất 5%; Các mặt hàng khác như tem, nhãn, mẫu biểu, thiết bị….áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% đối với hoạt động xuất bản sách tham khảo, tranh ảnh, bản đồ; các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo qui định hiện hành.

  Cơ sở áp dụng thuế suất 10%: Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 của Bộ Tài chính, Luật Xuất bản và Công văn số 1895/CV-NXBGDVN ngày 08/12/2012 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam gởi Vụ chính sách thuế Bộ Tài chính và Công văn trả lời số 6833/BTC-CST ngày 29/05/2013 của Vụ chính sách thuế- Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.12 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gởi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Điều chỉnh hồi tố

Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2012 đã được điều chỉnh hồi tố cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2012 VND	Số liệu tại ngày 31/12/2012 (Hồi tố) VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	1.345.685.517	701.186.950	(644.498.567)	(1)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	-	325.821.154	325.821.154	(1)
Quỹ đầu tư phát triển	417	2.605.706.892	2.634.816.484	29.109.592	(2)
Quỹ dự phòng tài chính	418	1.022.514.764	1.051.624.356	29.109.592	(2)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	269.696.572	405.541.332	135.844.760	(2)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	234.801.845	1.011.057.622	776.255.777	(1)&(2)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	Năm 2012 VND	Năm 2012 (Hồi tố) VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.137.833.483	1.167.513.762	(970.319.721)	(1)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	5.948.767.115	6.919.086.836	970.319.721	(1)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.350	1.571	220	(1)

(1) Công ty đã điều chỉnh lại chi phí thuế TNDN năm 2012 do điều chỉnh mức thuế suất thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động xuất bản (từ mức thuế suất 25% về mức thuế suất 10%) theo quy định tại Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Công văn số 6833/BTC-CST ngày

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

29/05/2013 của Bộ Tài chính. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố này làm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012 giảm 970.319.721 đồng. Theo đó các khoản mục thuế giảm tương ứng.

(2) Công ty cũng thực hiện phân phối lại lợi nhuận sau thuế năm 2012. Theo đó, các khoản mục "Quỹ đầu tư phát triển", "Quỹ dự phòng tài chính" đều tăng 29.109.592 đồng và Quỹ khen thưởng phúc lợi, Ban điều hành" tăng 135.844.760 đồng.

Tổng hợp các bút toán điều chỉnh làm khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tăng 776.255.777 đồng.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	81.599.128	99.500.867
Tiền gởi ngân hàng	2.934.041.036	11.342.179.656
Tiền gởi có kỳ hạn 1 tháng	-	16.732.524.908
Cộng	**3.015.640.164**	**28.174.205.431**

7. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Cho vay ngắn hạn	530.000.000	540.000.000
- Ông Vũ Bá Hòa	*500.000.000*	*500.000.000*
- Ông Đỗ Thành Lâm	*30.000.000*	*40.000.000*
Cộng	**530.000.000**	**540.000.000**

8. Các khoản phải thu khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)	500.000.000	-
Phải thu cán bộ CNV về thuế TNCN	969.831.765	616.052.404
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh (Vốn góp vào Dự án 104 Mai Thị Lựu) (@)		8.049.000.000
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần (Ngô Trần Hàn Thuyên)	500.000.000	-
Lãi dự thu	50.125.000	-
Phải thu BHXH	129.239.405	-
Phải thu khác	18.828.616	584.098.839
Cộng	**2.168.024.786**	**9.249.151.243**

(*) Là khoản đóng góp theo Công văn số 1762/CV-NXBGDVN của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam về việc "Huy động nguồn tài chính phục vụ Quỹ đầu tư xuất bản" ngày 07/11/2013 để huy động nguồn vốn và đầu tư cho hoạt động xuất bản giai đoạn từ năm 2013 tới năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Hàng mua đang đi đường	-	47.880.887
Nguyên liệu, vật liệu	877.271.021	139.055.178
Chi phí SX, KD dở dang	526.183.823	-
Thành phẩm	5.158.555.704	5.401.588.480
Hàng hóa	38.508.159.461	11.119.348.997
Hàng gửi đi bán	21.504.637	12.996.312
Cộng	**45.091.674.646**	**16.720.869.854**

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	115.253.701	19.796.340
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	60.174.105	53.836.789
Cộng	**175.427.806**	**73.633.129**

11. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	325.821.154
Cộng	**-**	**325.821.154**

12. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng	1.300.993	10.661.597
Kí quỹ, ký cược ngắn hạn	182.221.321	
Cộng	**183.522.314**	**10.661.597**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	251.864.000	2.124.700.182	561.696.643	2.938.260.825
Mua sắm trong năm	50.455.000	-	39.727.272	90.182.272
Giảm theo TT45	10.800.000	-	188.980.701	199.780.701
Số cuối năm	**291.519.000**	**2.124.700.182**	**412.443.214**	**2.828.662.396**
Khấu hao				
Số đầu năm	36.133.000	1.007.911.874	326.562.083	1.370.606.957
Khấu hao trong năm	122.332.000	282.468.949	169.024.704	573.825.653
Giảm theo TT45	7.800.000	-	102.382.360	110.182.360
Số cuối năm	**150.665.000**	**1.290.380.823**	**393.204.427**	**1.834.250.250**
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	215.731.000	1.116.788.308	235.134.560	1.567.653.868
Số cuối năm	**140.854.000**	**834.319.359**	**19.238.787**	**994.412.146**

Nguyên giá Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 544.347.760 đồng.

Không có Tài sản cố định nào đang cầm cố, thế chấp tại 31/12/2013.

14. Tài sản cố định vô hình

	Trang web công ty VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	34.000.000	34.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	**34.000.000**	**34.000.000**
Khấu hao		
Số đầu năm	34.000.000	34.000.000
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	**34.000.000**	**34.000.000**
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	**-**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

15. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		3.329.000.000		1.229.000.000
- Công ty CP Sách - TBTH Bà Rịa Vũng Tàu (i)	*122.900*	*1.229.000.000*	*122.900*	*1.229.000.000*
- Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương (ii)	*210.000*	*2.100.000.000*	-	-
Đầu tư dài hạn khác		*15.183.839.440*		
- NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh (iii)		*15.183.839.440*		
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính		(74.063.452)		
Cộng		**3.254.936.548**		**1.229.000.000**

(i) Vốn đầu tư của Công ty chiếm 35% vốn thực góp của Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa Vũng Tàu. Báo cáo tài chính (trước kiểm toán) của Công ty nhận đầu tư có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do Cổ phiếu của Công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm cuối năm. Do đó, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

(ii) Vốn đầu tư của Công ty chiếm 21% vốn thực góp của Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương. Báo cáo tài chính sau kiểm toán của Công ty nhận đầu tư có lỗ lũy kế, Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư, số tiền: 74.063.452 đồng.

(iii) Là khoản góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh để xây dựng Cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng góp vốn số 02/2010/HĐGV ngày 20/12/2010. Tổng số vốn góp dự kiến là 40 tỷ đồng, trong đó NXB Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh góp vốn bằng quyền sử dụng đất, Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam góp 34% tổng số vốn. Các bên góp vốn lần 1 trước ngày 31/12/2010, các đợt còn lại góp vốn theo tiến độ đề xuất của Ban Quản lý dự án được Chủ tịch Hội đồng đầu tư phê duyệt. Công trình đang trong quá trình đầu tư xây dựng.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	14.573.545	160.363.462
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	57.084.978	172.981.286
Cộng	**71.658.523**	**333.344.748**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	44.429.620	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	181.886.309	-
Thuế thu nhập cá nhân	814.631.888	701.186.950
Cộng	**1.040.947.817**	**701.186.950**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chiết khấu thanh toán nhanh	835.660.073	-
Chi phí hội chợ tại Nga	-	147.000.000
Chi phí thuê nhà phải trả Nhà xuất bản	-	220.698.095
Chi phí nhuận bút tác giả	670.820.743	-
Chi phí phải trả khác	-	4.784.400
Cộng	**1.506.480.816**	**372.482.495**

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	29.441.312	29.441.312
Kinh phí công đoàn	177.220.604	145.608.884
Công ty TNHH Nguyễn Lưu Tâm	-	20.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	40.000.000	-
Cổ tức phải trả	1.954.000.000	3.060.000.000
Hoa hồng môi giới	132.356.248	-
Phải trả khác	283.841.828	63.888.080
Cộng	**2.616.859.992**	**3.318.938.276**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2012	**44.050.000.000**	**2.427.243.879**	**844.051.751**	**1.192.288.153**
Tăng trong năm	-	207.572.605	207.572.605	6.919.086.836
Giảm trong năm	-	-	-	7.100.317.367
Số dư tại 31/12/2012	**44.050.000.000**	**2.634.816.484**	**1.051.624.356**	**1.011.057.622**
Số dư tại 01/01/2013	**44.050.000.000**	**2.634.816.484**	**1.051.624.356**	**1.011.057.622**
Tăng trong năm	-	348.716.745	348.716.745	6.974.334.899
Giảm trong năm	-	-	-	7.029.583.724
Số dư tại 31/12/2013	**44.050.000.000**	**2.983.533.229**	**1.400.341.101**	**955.808.797**

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vốn góp của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	23.400.000.000	23.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	20.650.000.000	20.650.000.000
Cộng	**44.050.000.000**	**44.050.000.000**

c. Cổ phiếu

	31/12/2013 Cổ phiếu	31/12/2012 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu thường	*4.405.000*	*4.405.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu thường	*4.405.000*	*4.405.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	1.011.057.622	1.192.288.153
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	6.974.334.899	6.919.086.836
Bổ sung 1% cổ tức của năm 2011	-	430.500.000
Phân phối lợi nhuận sau thuế (*)	7.029.583.724	6.669.817.367
- Quỹ đầu tư phát triển	*348.716.745*	*207.572.605*
- Quỹ dự phòng tài chính	*348.716.745*	*207.572.605*
- Trích quỹ KTPL, quỹ thưởng Ban điều hành	*1.046.150.234*	*968.672.157*
- Trả cổ tức cho các cổ đông	*5.286.000.000*	*5.286.000.000*
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	**955.808.797**	**1.011.057.622**

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế trong năm 2013 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2013/NQ-HĐQT ngày 18/11/2013.

e. Cổ tức

Trong năm 2013, Công ty đã chia cổ tức cho các cổ đông với tỷ lệ là 12%/năm theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2013/NQ-HĐQT ngày 18/11/2013.

21. Doanh thu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng doanh thu	304.148.613.387	287.030.605.701
+ Doanh thu Sách giáo khoa	*260.395.252.217*	*256.610.726.823*
+ Doanh thu Sách tham khảo	*29.341.125.456*	*12.469.684.890*
+ Doanh thu khác	*14.412.235.714*	*17.950.193.988*
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.801.146.985	2.280.414.782
+ Hàng bán bị trả lại	*1.801.146.985*	*2.280.414.782*
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**302.347.466.402**	**284.750.190.919**

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn Sách giáo khoa	242.122.258.778	233.441.639.846
Giá vốn Sách tham khảo	20.211.781.723	11.125.397.036
Giá vốn hoạt động khác	12.288.461.134	15.753.186.934
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	336.563.143	(358.763.114)
Cộng	**274.959.064.778**	**259.961.460.702**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.133.008.095	2.346.575.838
Cổ tức, lợi nhuận được chia	157.278.571	-
Chiết khấu thanh toán nhanh được hưởng	3.833.611.865	4.994.163.732
Cộng	**5.123.898.531**	**7.340.739.570**

24. Chi phí tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chiết khấu thanh toán nhanh	1.414.388.221	935.813.104
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	74.063.452	
Cộng	**1.488.451.673**	**935.813.104**

25. Thu nhập khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập từ bán phế liệu	165.248.007	-
Thu nhập từ bốc xếp hàng hóa, gia công cắt rọc	1.088.204.988	142.740.480
Thu nhập từ cho thuê gian hàng	-	21.650.000
Hoàn nhập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	99.660.100
Thu nhập khác	7.254.782	2.525.000
Cộng	**1.260.707.777**	**266.575.580**

26. Chi phí khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí bốc xếp hàng hóa, gia công cắt rọc	585.782.419	-
Chi phí khác	5.051.077	319.871
Cộng	**590.833.496**	**319.871**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.296.536.261	8.086.600.598
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	273.895.467	464.733.332
- Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	*431.174.038*	*464.733.332*
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	*157.278.571*	-
Tổng thu nhập chịu thuế	8.570.431.728	8.551.333.930
- Thu nhập từ hoạt động xuất bản	*5.469.377.134*	*4.809.170.128*
- Thu nhập từ hoạt động khác	*3.101.054.593*	*3.742.163.802*
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.322.201.362	1.416.457.963
- Thuế TNDN của hoạt động xuất bản (Thuế suất 10%)	*546.937.713*	*480.917.013*
- Thuế TNDN của hoạt động khác (Thuế suất 25%)	*775.263.648*	*935.540.950*
Thuế TNDN được giảm theo NQ29/2012/QH13	-	248.944.201
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.322.201.362	1.167.513.762
Lợi nhuận sau thuế TNDN	**6.974.334.899**	**6.919.086.836**

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.974.334.899	6.919.086.836
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	6.974.334.899	6.919.086.836
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.405.000	4.405.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.583**	**1.571**

29. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.285.378.763	598.923.577
Chi phí nhân công	11.503.596.054	8.760.483.982
Chi phí khấu hao tài sản cố định	573.825.653	707.443.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.362.254.071	8.747.732.425
Chi phí khác bằng tiền	4.740.500.179	4.558.962.643
Cộng	**39.465.554.720**	**23.373.546.507**

30. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách giáo khoa, sách tham khảo và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

31. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do không có các giao dịch vay nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Tuy nhiên, trong năm, Công ty không có phát sinh các khoản vay nào nên Công ty không có rủi ro về biến động lãi suất.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản (chủ yếu là Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh), đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty tương đối rộng, trải dài khắp cả nước. Tuy nhiên, các khách hàng chủ yếu là các đơn vị thành viên Nhà xuất bản và các khách hàng có mối quan hệ kinh doanh lâu dài. Bên cạnh đó, khả năng thu hồi nợ của Công ty là tương đối tốt, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	19.373.756.129	-	19.373.756.129
Chi phí phải trả	1.506.480.816	-	1.506.480.816
Phải trả khác	2.410.198.076	-	2.410.198.076
Cộng	**23.290.435.021**	**-**	**23.290.435.021**

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	9.172.647.716	-	9.172.647.716
Chi phí phải trả	372.482.495	-	372.482.495
Phải trả khác	3.143.888.080	-	3.143.888.080
Cộng	**12.689.018.291**	**-**	**12.689.018.291**

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.015.640.164	-	3.015.640.164
Phải thu khách hàng	5.549.197.532	-	5.549.197.532
Đầu tư tài chính	530.000.000	-	530.000.000
Phải thu khác	17.351.864.226	500.000.000	17.851.864.226
Cộng	**26.446.701.922**	**500.000.000**	**26.946.701.922**

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.174.205.431	-	28.174.205.431
Phải thu khách hàng	4.360.635.621	-	4.360.635.621
Đầu tư tài chính	540.000.000	-	540.000.000
Phải thu khác	9.249.151.243	-	9.249.151.243
Cộng	**42.323.992.295**	**-**	**42.323.992.295**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

32. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư Tài chính Thiên Hóa	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu EMCO	Chung công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	Công ty liên kết
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật Sao Mai	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBTH Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty liên kết
Ông Vũ Bá Hòa	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm gồm:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Mua hàng			
Công ty CP Học liệu EMCO	Thiết bị giáo dục	158.003.400	129.263.140
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Sách giáo khoa	269.434.372.611	232.652.131.148
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Sách bổ trợ, sách tham khảo	441.052.320	401.262.260
Công ty CP in Sách Giáo khoa tại TP. Hồ Chí Minh	Công in	158.859.436	246.480.547
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Sách bổ trợ, sách tham khảo	306.927.974	704.539.366
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Sách giáo khoa	2.461.637.698	6.237.000
Công ty CP Sách TBTH TP. Hồ Chí Minh	Sách bổ trợ, sách tham khảo, TBG	5.579.420.165	3.055.298.102
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Phương Nam	Sách giáo khoa, sách tham khảo	2.780.792.737	2.429.293.959
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Sách giáo khoa, sách tham khảo	2.489.609.018	2.890.565.190
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Sách giáo khoa, sách tham khảo	845.622.221	746.243.744
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Tiền thuê mặt bằng, điện nước	728.413.209	295.524.229
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Sách giáo khoa	271.674.000	664.660.200
Bán hàng			
Công ty CP Học liệu EMCO	Cung ứng sách	46.500.223	1.282.632.791
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cung ứng sách, Chiết khấu thanh t	4.729.417.643	291.266.970
Công ty CP Sách GD tại TP. Hồ Chí Minh	Cung ứng sách	3.654.046.581	3.282.594.889
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Bình Thuận	Cung ứng sách	12.002.771.718	12.522.490.663
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Cung ứng sách	13.114.313.384	14.040.225.647
Công ty CP Sách và TBTH TP.Hồ Chí Minh	Cung ứng sách,thiết bị GD	42.022.424.554	41.176.082.058
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Phương Nam	Cung ứng sách,thiết bị GD	9.058.364.631	4.221.975.333
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cung ứng sách	1.667.297.333	1.311.778.520
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cung ứng sách	1.466.733.486	677.714.400
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Cung ứng sách	2.760.422.046	3.538.334.021
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Cung ứng sách	6.447.820.611	3.716.507.568
Công ty CP Sách Thiết bị Trường học Bến Tre	Cung ứng sách	8.742.336.655	7.443.723.120
Công ty CP Sách TB-TH Bà Rịa - Vũng Tàu	Cung ứng sách	7.181.749.788	6.748.134.202
Công ty CP Sách Thiết bị Trường học Tiền Giang	Cung ứng sách	12.454.519.971	11.076.375.152
Đầu tư tài chính ngắn hạn			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cho vay ngắn hạn	16.500.000.000	16.732.524.908
	Thu hồi tiền cho vay	33.232.524.908	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Vào ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Phải thu khách hàng	23.542.400	172.118.519
	Cho vay ngắn hạn		16.732.524.908
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	Phải thu khách hàng	698.316.849	425.509.339
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Phương Nam	Phải thu khách hàng	9.339.855	10.316.123
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Phải thu khách hàng	193.784.833	446.064.281
Công ty CP Sách và TBTH Bình Thuận	Phải thu khách hàng	117.425.094	463.460.125
Công ty CP Sách Giáo dục tại TPHCM	Phải thu khách hàng	87.542.998	176.255.490
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Phải trả người bán	21.386.784	29.705.704
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Phải thu khách hàng	122.470.579	-
CN Nhà xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	Phải thu khách hàng	6.100.000	-
Ông Vũ Bá Hòa	Cho vay ngắn hạn	500.000.000	500.000.000
Phải trả			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ tức phải trả	1.708.000.000	2.808.000.000
Công ty CP Học liệu EMCO	Phải trả người bán	191.857	185.851
Công ty CP Học liệu EMCO	Cổ tức phải trả	126.000.000	126.000.000
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Phải trả người bán	2.056.904.983	946.532.440
Công ty CP Sách TBGD Miền Bắc	Phải trả người bán	117.346.754	899.385.069
Công ty CP Sách TBTH Bến Tre	Phải thu khách hàng	5.195.601	3.183.738
Công ty CP Sách TBTH Tiền Giang	Phải thu khách hàng	13.417.975	18.442.760
Công ty CP Đầu tư Tài chính Thiên Hóa	Phải trả người bán	180.000.000	180.000.000
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Đà Nẵng	Phải trả người bán	96.869.270	209.062.770
	Cổ tức phải trả	120.000.000	120.000.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Phải trả người bán	11.571.826.108	2.287.634.674
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phải trả người bán	88.272.500	192.010.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Phải trả người bán	1.934.109.100	-
Công ty CP Sách Dân tộc	Phải trả người bán	240.369.474	164.760.874
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Phải trả người bán	60.283.141	322.869.470
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Phải trả người bán	755.996.693	322.869.470
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Phải trả người bán	77.485.852	51.034.896
CN Cty CP Đại Học- Dạy Nghề tại TPHCM	Phải trả người bán	8.940.400	6.237.000
Nhà xuất bản giáo dục tại Đà Nẵng	Phải trả người bán	203.371.072	381.468.920

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

34. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh đã được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại Thuyết minh số 5.

Chủ tịch HĐQT	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Vũ Bá Hòa	Nguyễn Mai Hoa	Nguyễn Mai Hoa

TP.Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2014